

## 台南應用科技大學境外學生獎助要點

民國98年05月21日行政會議通過  
Được Hội đồng hành chính thông qua ngày  
21 tháng 5 năm 2009  
民國99年09月23日教育部  
Bộ Giáo dục ngày 23 tháng 9 năm 2010  
台技(一)字第0990160764-A號函核定更名  
Công nghệ Đài Loan (1) Công văn số  
0990160764-A chấp thuận việc đổi tên  
民國100年02月17日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị hành chính vào  
ngày 17 tháng 2 năm 2011  
民國100年10月20日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị hành chính ngày  
20 tháng 10 năm 2011  
民國101年06月25日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị hành chính ngày  
25 tháng 6 năm 2012  
民國106年06月22日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị Chấp hành ngày  
22 tháng 6 năm 2017  
民國109年09月24日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị Chấp hành ngày  
24 tháng 9 năm 2020  
民國112年04月25日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị hành chính ngày  
25 tháng 4 năm 2023  
民國112年10月19日行政會議修正  
Được sửa đổi bởi Hội nghị hành chính ngày  
19 tháng 10 năm 2023

一、為獎助成績優秀境外學生，協助其在本校完成學業，特訂定本要點。

Học bổng để hỗ trợ sinh viên nước ngoài có thành tích học tập xuất sắc tại trường

二、本要點所稱之境外學生，係指 “du học sinh” đề cập đến：

(一)與本校簽署「雙聯學制協議書」之境外學校雙聯學制學生。

Học sinh từ các trường ở nước ngoài đã ký "Thỏa thuận hệ thống học thuật liên kết kép" với trường.

(二)與本校簽署學術交流合作協議學校或機構推薦之學生。

Sinh viên được giới thiệu bởi các trường hoặc tổ chức đã ký thỏa thuận hợp tác và trao đổi học thuật với trường.

(三)依據「外國學生入學申請辦法」核准入學之學生，但不含該辦法所稱之選讀生。

Sinh viên được chấp thuận nhập học theo "Quy định đăng ký tuyển sinh sinh viên nước ngoài", nhưng không bao gồm các sinh viên chương trình ngắn hạn.

三、申請條件及獎助種類 條件 nộ hồ sơ và các loại học bổng：

(一)入學續讀獎助 Học bổng nhập học và tiếp tục học tập：

1. 四技一年級新生，第一學期註冊，學雜費抵免新台幣1萬5千元；完成第二學期註冊者，第二學期獎助新台幣1萬元。

Sinh viên năm nhất hệ 4 năm đăng ký trong học kỳ đầu năm thứ nhất sẽ nhận được học bổng 15.000 Đài tệ cho học phí và tạp phí; đăng ký học kỳ hai sẽ nhận được học bổng 10.000 Đài tệ.

2. 二技三年級新生，及依原就讀學校成績單抵免編入適當年級之學生，完成第二學期註冊者，第一學期獎助新台幣1萬元。

Sinh viên năm thứ ba hệ đại học 2 năm và xếp lớp dựa vào thành tích học tập ban đầu hoàn thành đăng ký trong học kỳ đầu tiên sẽ nhận được học bổng 15.000 Đài tệ cho học phí và các khoản phí khác; học kỳ thứ hai sẽ nhận được học bổng 10.000 Đài tệ.

3. 七技一年級新生，第一學期註冊，學雜費抵免新台幣1萬5仟元；完成第二學期註冊者，第二學期獎助新台幣1萬元。

Sinh viên hệ 7 năm năm thứ nhất đăng ký trong học kỳ đầu tiên sẽ nhận được học bổng 15.000 Đài tệ cho học phí và các khoản phí khác; học kỳ thứ hai sẽ nhận được học bổng 10.000 Đài tệ.

4. 碩士班一年級新生，第一學期註冊，學雜費抵免新台幣1萬5仟元；完成第二學期註冊者，第二學期獎助新台幣1萬元。

Sinh viên thạc sĩ năm thứ nhất đăng ký trong học kỳ đầu tiên sẽ nhận được học bổng 15.000 Đài tệ cho học phí và các khoản phí khác; học kỳ thứ hai sẽ nhận được học bổng 10.000 Đài tệ.

(二) 成績優秀獎助 Học bổng có thành tích học tập xuất sắc :

1. 續修之已在籍境外學生，前一學期操行成績達80分以上，且學業成績為全班排名前20%者，獎助新台幣1萬元；前一學期操行成績達85分以上，且學業成績為全班排名前10%者，獎助新台幣2萬5千元；前一學期操行成績達90分以上，且學業成績為全班排名前5%者，獎助新台幣5萬元。

Sinh viên đang học và có điểm hạnh kiểm từ 80 trở lên trong học kỳ trước và nằm trong top 20% của lớp về thành tích học tập sẽ nhận được học bổng trị giá 10.000 Đài tệ; sinh viên có điểm hạnh kiểm là 85 trong học kỳ trước trở lên và có thành tích học tập đứng trong top 10% của lớp sẽ nhận được học bổng trị giá 25.000 Đài tệ; điểm hạnh kiểm từ 90 trở lên trong học kỳ trước và có điểm học tập nằm trong top 5% của lớp sẽ nhận được học bổng trị giá 50.000 Đài tệ.

2. 續修之已在籍碩士班境外學生，前一學期學業及操行成績達85分以上，獎助新台幣2萬5千元。

Sinh viên nước ngoài đang tiếp tục học chương trình thạc sĩ và có điểm học tập và hạnh kiểm trong học kỳ trước đạt 85 trở lên sẽ nhận được học bổng trị giá 25.000 Đài tệ.

(三) 特殊獎助 Học bổng đặc biệt :

教育部臺灣獎學金受獎學生，學費及雜費上限於每學期新臺幣4萬元以內，由教育部核實補助，不足部分以學校經費支應。其他相關規定，依教育部「臺灣獎學金作業要點」辦理。

Đối với những sinh viên nhận Học bổng Đài Loan của Bộ Giáo dục, học phí và các khoản phí khác được giới hạn ở mức 40.000 Đài tệ mỗi học kỳ. Bộ Giáo dục sẽ xác minh khoản trợ cấp và mọi khoản thiếu hụt sẽ được trường học chi trả. Các quy định liên quan khác sẽ được xử lý theo "Những điểm chính về hoạt động học bổng Đài Loan" của Bộ Giáo dục

上述獎助上限規定 Giới hạn của học bổng nêu trên :

四年制大學部獎助上限為四年，二年制大學部獎助上限為兩年，七年制大學部獎助上限為七年，碩士班獎助上限為二年。申請四年制大學部學生，如依原就讀學校成績單抵免編入適當年級者，獎助上限為三年。

Giới hạn cho hệ đại học bốn năm là bốn năm, cho hệ đại học hai năm là hai năm, hệ đại học bảy năm là bảy năm, và cho chương trình thạc sĩ là hai năm. Đối với sinh viên đăng ký vào trường đại học hệ 4 năm, nếu họ được nhận vào lớp phù hợp dựa trên bảng điểm của trường ban đầu, giới hạn của học bổng là ba năm.

- 四、凡延修生及領有國內其他各類獎助金者，不得提出申請，如違反規定經查屬實將追回獎助金。

Đối tượng là sinh viên gia hạn và những người đã nhận được nhiều học bổng trong nước khác không được phép nộp đơn, nếu vi phạm quy định và bị phát hiện sẽ bị thu hồi học bổng.

五、違反以下規定之受獎學生，必須全數退回入學續讀獎助金：

Người nhận học bổng vi phạm các quy định dưới đây phải nộp lại toàn bộ số tiền học bổng:

(一) 四技學生至少在本校就讀前二學年之學業，凡休學、退學或其他原因離校者，必須全數退回。

Sinh viên hệ đại học bốn năm đã học ít nhất hai năm đầu tiên tại trường phải hoàn trả toàn bộ học bổng nếu tạm dừng học, bỏ học hoặc nghỉ học vì lý do khác.

(二) 七技學生至少在本校就讀前四學年之學業，凡休學、退學或其他原因離校者，必須全數退回。

Sinh viên hệ đại học bảy năm đã học ít nhất bốn năm đầu tiên tại trường phải hoàn trả toàn bộ học bổng nếu tạm dừng học, bỏ học hoặc nghỉ học vì lý do khác.

(三) 碩士班學生至少在本校就讀前一學年之學業，凡休學、退學或其他原因離校者，必須全數退回。

Sinh viên thạc sĩ đã học ít nhất một năm đầu tiên tại trường phải hoàn trả toàn bộ học bổng nếu tạm dừng học, bỏ học hoặc nghỉ học vì lý do khác.

(四) 新生於第一學期辦理休退學者，取消學雜費抵免，學雜費退費基準依「專科以上學校學雜費收取辦法」辦理。

Đối với sinh viên năm nhất thôi học trong học kỳ đầu tiên, học bổng sẽ bị hủy và cơ sở để hoàn trả học phí và các khoản phí khác sẽ được xử lý theo "Thủ tục thu học phí và các khoản phí khác dành cho các trường Cao đẳng trở lên".

六、申請入學續讀獎助之學生須於每學期開學後一個月內，檢具以下文件向研究發展處國際交流中心提出申請，並由國際交流中心彙整相關資料，送請相關單位協助辦理。

Sinh viên đăng ký xét tuyển học bổng phải nộp các hồ sơ sau đây cho Trung tâm Trao đổi Quốc tế của Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển trong vòng một tháng kể từ khi bắt đầu mỗi học kỳ, Trung tâm Trao đổi Quốc tế sẽ tổng hợp các thông tin liên quan và gửi đến các đơn vị liên quan để được hỗ trợ.

(一) 四技一年級新生，於第二學期檢具第二學期繳費收據或在學證明。

Sinh viên năm nhất hệ đại học 4 năm phải xuất trình biên lai thanh toán học kỳ thứ hai hoặc bằng chứng đăng ký học trong học kỳ thứ hai.

(二) 二技三年級新生，於第二學期檢具第二學期繳費收據或在學證明。

Sinh viên năm ba hệ đại học 2 năm phải xuất trình biên lai thanh toán học kỳ thứ hai hoặc bằng chứng đăng ký học trong học kỳ thứ hai.

(三) 七技一年級新生，於第二學期檢具第二學期繳費收據或在學證明。

Sinh viên năm nhất hệ đại học 7 năm phải xuất trình biên lai thanh toán học kỳ thứ hai hoặc bằng chứng đăng ký học trong học kỳ thứ hai.

(四) 碩士班一年級新生，於第二學期檢具第二學期繳費收據或在學證明。

Sinh viên thạc sĩ năm nhất phải xuất trình biên lai thanh toán học kỳ thứ hai hoặc bằng chứng đăng ký học trong học kỳ thứ hai.

七、申請成績優秀獎助之學生須於每學期開學後一個月內，檢具當學期繳費收據或在學證明及在本校前一學期之學業成績名次證明書以下文件向研究發展處國際交流中心提出申請，並由國際交流中心彙整相關資料，送請相關單位協助辦理。

Sinh viên xin học bổng có thành tích xuất sắc phải nộp đơn đến Trung tâm Trao đổi Quốc tế của Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển trong vòng một tháng sau khi bắt đầu mỗi học kỳ kèm theo các tài liệu sau: biên lai thanh toán cho học kỳ hiện tại hoặc giấy chứng nhận đăng ký và kết quả học tập giấy chứng nhận thực hiện học kỳ trước của trường, Trung tâm Giao lưu Quốc tế sẽ tổng hợp các thông tin liên quan gửi đến các đơn vị liên quan để được hỗ trợ.

八、獎助金額及頒給人數，得依當學年度本校獎助經費預算及境外學生總人數比例而調整  
Số lượng học bổng và số lượng sinh viên được trao có thể được điều chỉnh dựa trên ngân sách

học bổng của trường cho năm học hiện tại và tỷ lệ trên tổng số sinh viên nước ngoài.

九、已簽訂學術交流合作協議學校之獎助方式，依其合約規範辦理，不受本要點限制。

Phương thức học bổng đối với các trường đã ký thỏa thuận hợp tác, trao đổi học thuật sẽ được xử lý theo quy định của hợp đồng và không bị hạn chế bởi những quy định nêu trên.

十、本要點所需經費來源由教育部相關補助款項及本校相關經費項下支出。獎助金名額得依實際經費預算狀況彈性調整。

Nguồn kinh phí cho học bổng này đến từ các khoản trợ cấp liên quan của Bộ Giáo dục và các quỹ liên quan từ nhà trường. Số lượng học bổng có thể được điều chỉnh linh hoạt dựa trên tình hình ngân sách thực tế.

十一、本要點經行政會議通過，校長核定後實施，修正時亦同。

Quy định này sẽ được triển khai sau khi được Ban Chấp hành phê duyệt và được Hiệu trưởng phê duyệt, việc sửa đổi cũng áp dụng tương tự.